

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Đình Anh	Chủ tịch
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó Chủ tịch
Ông Trương Gia Bình	Thành viên
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên
Ông Lê Huy Chí	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên
Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Chu Thị Thanh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Thang Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đắc Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2010)
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Giám đốc Tài chính

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Chu Thị Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 25. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		845.485.590.082	765.034.732.888
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	152.598.123.255	278.145.536.926
1. Tiền	111		84.450.123.255	128.413.951.123
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.148.000.000	149.731.585.803
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	254.654.899.604	159.659.062.319
1. Đầu tư ngắn hạn	121		254.654.899.604	159.659.062.319
III. Phải thu ngắn hạn	130		258.421.781.084	185.980.751.526
1. Phải thu khách hàng	131		261.918.798.868	182.898.390.158
2. Trả trước cho người bán	132		26.561.269.441	16.734.177.756
3. Phải thu nội bộ	133		1.005.734.658	-
4. Các khoản phải thu khác	135		4.394.369.180	3.897.395.872
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(35.458.391.063)	(17.549.212.260)
IV. Hàng tồn kho	140	7	99.930.647.082	34.953.720.351
1. Hàng tồn kho	141		99.930.647.082	34.953.720.351
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		79.880.139.057	106.295.661.766
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26.037.495.386	60.408.053.912
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		39.741.697.176	19.639.719.598
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.032.898.829	12.484.036.594
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.068.047.666	13.763.851.662
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260+269)	200		1.277.460.144.463	959.710.985.270
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	(17.035.000)
1. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(17.035.000)
II. Tài sản cố định	220		1.147.821.824.920	877.665.611.693
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	964.997.052.763	669.990.735.401
- Nguyên giá	222		1.702.991.091.744	1.190.522.036.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(737.994.038.981)	(520.531.300.889)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	177.943.350.353	193.056.713.562
- Nguyên giá	228		218.076.952.181	214.083.775.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.133.601.828)	(21.027.062.243)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		4.881.421.804	14.618.162.730
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		600.000.000	5.318.932.264
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	5.318.932.264
2. Đầu tư dài hạn khác	258		600.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		115.873.843.053	76.743.476.313
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		80.153.198.460	41.171.559.198
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		32.736.454.080	32.818.213.101
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.984.190.513	2.753.704.014
V. Lợi thế thương mại	269		13.164.476.490	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.122.945.734.545	1.724.745.718.158

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		863.011.859.662	846.096.367.819
I. Nợ ngắn hạn	310		730.209.312.846	621.117.572.948
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	71.130.389.755	112.754.896.164
2. Phải trả người bán	312		385.860.331.007	282.110.203.088
3. Người mua trả tiền trước	313		15.745.783.543	8.432.412.004
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	40.105.559.103	119.636.173.894
5. Phải trả công nhân viên	315		6.834.500.001	25.185.893.341
6. Chi phí phải trả	316		126.276.982.068	23.006.379.431
7. Phải trả nội bộ	317		18.205.217.306	13.337.486.949
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		8.920.753.803	26.033.934.104
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		57.129.796.260	10.620.193.973
II. Nợ dài hạn	330		132.802.546.816	224.978.794.871
1. Phải trả dài hạn khác	333		398.500.000	879.880.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	91.942.642.959
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.585.322.529	883.419.515
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		130.818.724.287	131.272.852.397
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1.195.429.206.920	842.193.768.310
I. Vốn cổ đông	410	14	1.195.429.206.920	842.193.768.310
1. Vốn điều lệ	411		831.067.620.000	593.977.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.570.250.399	-
3. Cổ phiếu quỹ	414		(919.000.000)	(881.660.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		357.710.336.521	249.098.328.310
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	14	64.504.667.963	36.455.582.029
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (540=300+400+500)	540		2.122.945.734.545	1.724.745.718.158

Chu Thị Thanh Hà
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Đỗ Thị Hương
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.467.215.255.193	1.864.851.449.895
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.823.684.430	13.328.590.582
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	2.457.391.570.763	1.851.522.859.313
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	1.227.347.579.858	691.707.895.827
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.230.043.990.905	1.159.814.963.486
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	55.720.589.895	32.746.807.282
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	19	30.316.921.595	13.972.547.351
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.917.657.439</i>	<i>4.424.055.677</i>
8. Chi phí bán hàng	24	20	113.938.603.687	96.892.518.165
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	540.311.604.195	539.978.405.127
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		601.197.451.323	541.718.300.125
11. Thu nhập khác	31		49.198.863.308	51.036.779.591
12. Chi phí khác	32		49.032.727.580	52.724.034.712
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		166.135.728	(1.687.255.121)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		601.363.587.051	540.031.045.004
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	85.852.468.413	122.554.739.111
16. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	21	(1.434.801.351)	(32.818.213.101)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		516.945.919.989	450.294.518.994
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		44.252.047.340	40.377.111.999
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		472.693.872.649	409.917.406.995
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	5.721	5.444

Chu Thị Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	601.363.587.051	540.031.045.004
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	242.031.328.819	220.706.371.406
- Các khoản dự phòng	03	18.611.081.817	8.657.581.873
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	923.974.113	1.347.098.570
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	06	(43.676.095.611)	(9.677.149.511)
- Chi phí lãi vay	07	13.917.657.439	4.424.055.677
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		
trước thay đổi vốn lưu động		833.171.533.628	765.489.003.019
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(46.205.906.155)	12.841.446.095
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(64.976.926.731)	23.743.755.070
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	160.078.752.756	(393.477.805.516)
- (Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	(25.879.320.521)	(45.840.947.444)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(13.917.657.439)	(4.424.055.677)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(153.006.724.248)	(32.674.550.204)
- Tiền thu và chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	8.470.114.764	(11.633.853.472)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	697.733.866.054	314.022.991.871
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(498.962.635.962)	(368.995.700.115)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(94.995.837.285)	(165.659.062.321)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(593.958.473.247)	(534.654.762.436)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	8.043.270.000	169.584.040.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	797.960.000	(1.157.210.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	317.529.520.718
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(133.567.149.368)	(27.915.516.079)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(104.596.887.110)	(239.988.800.256)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(229.322.806.478)	218.052.034.383
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(125.547.413.671)	(2.579.736.182)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	278.145.536.926	280.725.273.108
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	152.598.123.255	278.145.536.926

Chu Thị Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Đỗ Thị Hương
Kê toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101778163 ngày 25 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, sửa đổi lần 11 của Giấy đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28 tháng 7 năm 2005.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 3.390 (31/12/2009: 2.813).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2010</u> (Số năm)	<u>Năm 2009</u> (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25	25
Máy móc và thiết bị	3 - 8	3 - 4
Thiết bị quản lý	3 - 6	3 - 4
Phương tiện vận tải	6	6
Tài sản khác	3 - 5	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính, giấy phép và quyền khai thác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2010</u> (Số năm)
Phần mềm máy vi tính	3 - 5
Giấy phép	3
Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway (“AAG”)	15

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu dịch vụ viễn thông

Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuê hoạt động**

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm được trích lập không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	3.099.010.340	5.402.914.926
Tiền gửi ngân hàng	81.351.112.915	123.011.036.197
Các khoản tương đương tiền	68.148.000.000	149.731.585.803
	152.598.123.255	278.145.536.926

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	254.654.899.604	159.659.062.319
	254.654.899.604	159.659.062.319

(*) Là các hợp đồng cho vay vốn giữa Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT (bên cho vay) và Công ty Cổ phần FPT (bên vay) có thời hạn trong vòng từ trên 3 tháng và dưới 12 tháng, lãi suất từ 17,00% đến 18,50%.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	4.328.745.720	13.963.342.812
Công cụ, dụng cụ	5.678.190.483	6.689.681.913
Hàng hóa mua để bán	89.923.710.879	14.300.695.626
	99.930.647.082	34.953.720.351
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	99.930.647.082	34.953.720.351

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	54.358.836.384	904.380.154.125	21.317.137.819	209.088.286.669	1.377.621.293	1.190.522.036.290
Tăng trong năm	133.735.290	229.419.888.620	19.127.862.550	269.367.526.750	4.237.883.840	522.286.897.050
Tăng do mua sắm	133.735.290	229.419.888.620	19.127.862.550	238.862.304.981	4.237.883.840	491.781.675.281
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	28.373.295.878	-	28.373.295.878
Tăng khác	-	-	-	2.131.925.891	-	2.131.925.891
Giảm trong năm	-	3.821.113.716	2.486.528.763	3.419.467.001	90.732.116	9.817.841.596
Thanh lý, nhượng bán	-	3.821.113.716	2.486.528.763	3.419.467.001	90.732.116	9.817.841.596
Tại ngày 31/12/2010	54.492.571.674	1.129.978.929.029	37.958.471.606	475.036.346.418	5.524.773.017	1.702.991.091.744
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	2.455.578.699	377.532.714.495	3.228.154.388	136.993.403.661	321.449.646	520.531.300.889
Tăng trong năm	3.589.362.800	110.394.219.943	5.508.251.413	102.484.065.150	252.650.521	222.228.549.827
Khấu hao trong năm	3.589.362.800	110.394.219.943	5.508.251.413	102.484.065.150	252.650.521	222.228.549.827
Giảm trong năm	-	1.938.866.230	1.090.566.703	1.710.554.130	25.824.672	4.765.811.735
Thanh lý, nhượng bán	-	1.938.866.230	1.090.566.703	1.710.554.130	25.824.672	4.765.811.735
Tại ngày 31/12/2010	6.044.941.499	485.988.068.208	7.645.839.098	237.766.914.681	548.275.495	737.994.038.981
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2010	48.447.630.175	643.990.860.821	30.312.632.508	237.269.431.737	4.976.497.522	964.997.052.763
Tại ngày 31/12/2009	51.903.257.685	526.847.439.630	18.088.983.431	72.094.883.008	1.056.171.647	669.990.735.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng khoảng 424.547 triệu đồng (2009: 232.610 triệu đồng)

Từ ngày 01/8/2010, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao của một số tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong năm 2010 sẽ tăng với số tiền là 27.356 triệu đồng.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Giấy phép và quyền khai thác</u> VND	<u>Phần mềm máy vi tính</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	209.780.304.398	4.303.471.407	214.083.775.805
Tăng trong năm	5.654.743.410	2.538.294.633	8.193.038.043
Tăng do mua trong năm	5.654.743.410	1.526.217.271	7.180.960.681
Tăng khác	-	1.012.077.362	1.012.077.362
Giảm trong năm	3.536.680.000	663.181.667	4.199.861.667
Giảm do thanh lý nhượng bán	3.536.680.000	214.502.500	3.751.182.500
Giảm khác	-	448.679.167	448.679.167
Tại ngày 31/12/2010	211.898.367.808	6.178.584.373	218.076.952.181
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	19.172.373.030	1.854.689.213	21.027.062.243
Tăng trong năm	18.585.206.453	1.577.800.098	20.163.006.551
Khấu hao trong năm	18.585.206.453	1.217.572.539	19.802.778.992
Tăng khác	-	360.227.559	360.227.559
Giảm trong năm	626.111.112	430.355.854	1.056.466.966
Giảm do thanh lý, nhượng bán	626.111.112	101.420.018	727.531.130
Giảm khác	-	328.935.836	328.935.836
Tại ngày 31/12/2010	37.131.468.371	3.002.133.457	40.133.601.828
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	174.766.899.437	3.176.450.916	177.943.350.353
Tại ngày 31/12/2009	190.607.931.368	2.448.782.194	193.056.713.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2010 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Bắc (FTN)	48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Nam (FTS)	Lô 37 - 39A, đường số 19, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT (FTI)	Tầng 1, Phòng G6, tòa nhà Etown số 2, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC)	408 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	58,48%	Cung cấp dịch vụ Game online
Công ty TNHH Một Thành Viên Viễn Thông FPT Tân Thuận	Lô 37 - 39A, đường số 19, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Trung (FTM)	173 Nguyễn Chí Thanh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (i)	71.130.389.755	71.130.389.755
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (ii)	-	41.624.506.409
	<u>71.130.389.755</u>	<u>112.754.896.164</u>

(i) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên phong theo hợp đồng tín dụng ngày 15/05/2009. Hạn mức vay 150 tỷ đồng, thời gian vay 30 tháng, mục đích vay để đầu tư tài sản cố định. Lãi suất thay đổi 6 tháng/lần. Khoản vay này được vay tín chấp. Thời điểm đáo hạn số nợ gốc còn lại của khoản vay này là ngày 15/11/2011.

(ii) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo hợp đồng tín dụng ngày 08/12/2009. Hạn mức vay 120 tỷ đồng, thời gian vay tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên đến hết ngày 30/6/2011, mục đích vay để nâng cao mạng lưới. Đến cuối năm 2010, Công ty đã hoàn thành hết nghĩa vụ của khoản vay này.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	11.024.593.756	8.923.260.822
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	751.624.673	976.481.496
Thuế xuất, nhập khẩu	209.326.858	462.737.164
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.142.260.998	102.859.625.231
Các loại thuế khác	2.977.752.818	6.414.069.181
	<u>40.105.559.103</u>	<u>119.636.173.894</u>

13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Trong năm 2010, Ban Giám đốc Công ty và công ty con đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận sau thuế với số tiền tương ứng là: 53.090.121.869 đồng (bao gồm cả Công ty và Công ty con), theo Thông báo ngày 10 tháng 02 năm 2010 và ngày 7 tháng 02 năm 2010 của Hội đồng Quản trị và theo Điều lệ của Công ty và các công ty con. Việc phân chia quỹ này cũng như phương án phân chia lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. VỐN CỔ ĐÔNG****Thay đổi trong vốn cổ đông**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	Lợi ích của cổ đông thiểu số	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	424.393.060.000	-	(76.180.000)	4.886.929	41.775.942.721	198.900.571.781	664.998.281.431	35.561.733.297	700.560.014.728
Phát hành cổ phiếu	169.584.040.000	-	-	-	-	-	169.584.040.000	1.297.000.000	170.881.040.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	409.917.406.995	409.917.406.995	40.377.111.999	450.294.518.994
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(824.210.000)	-	-	-	(824.210.000)	(333.000.000)	(1.157.210.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	(40.975.842.065)	(40.975.842.065)	(4.017.933.383)	(44.993.775.448)
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	-	(41.313.855.035)	41.313.855.035	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	18.730.000	-	(462.087.686)	(11.249.762)	(454.607.448)	(29.580.846)	(484.188.294)
Cổ tức được chia	-	-	-	-	-	(360.346.290.129)	(360.346.290.129)	(36.484.380.127)	(396.830.670.256)
Lỗi từ việc tăng lợi ích của các cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	1.799.244.019	1.799.244.019	-	1.799.244.019
Biến động khác	-	-	-	(4.886.929)	-	(1.499.367.564)	(1.504.254.493)	84.631.089	(1.419.623.404)
Số dư tại ngày 01/01/2010	593.977.100.000	-	(881.660.000)	-	-	249.098.328.310	842.193.768.310	36.455.582.029	878.649.350.339
Phát hành cổ phiếu	237.090.520.000	7.570.250.399	714.000.000	-	-	(230.065.870.000)	15.308.900.399	6.985.051.646	22.293.952.045
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	472.693.872.649	472.693.872.649	44.252.047.340	516.945.919.989
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(751.340.000)	-	-	-	(751.340.000)	(46.620.000)	(797.960.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	(49.147.249.094)	(49.147.249.094)	(3.942.872.774)	(53.090.121.869)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(90.026.044.412)	(90.026.044.412)	(14.570.842.698)	(104.596.887.110)
Ảnh hưởng do thay đổi vốn cổ đông	-	-	-	-	-	5.541.745.314	5.541.745.314	(4.627.677.580)	914.067.734
Biến động khác	-	-	-	-	-	(384.446.246)	(384.446.246)	-	(384.446.246)
Số dư tại ngày 31/12/2010	831.067.620.000	7.570.250.399	(919.000.000)	-	-	357.710.336.521	1.195.429.206.920	64.504.667.963	1.259.933.874.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. VỐN CỔ ĐÔNG (Tiếp theo)**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2010, Công ty đã thực tế phát hành 23.778.052 cổ phiếu (trong đó có 23.006.587 cổ phiếu thưởng) trong năm 2010 để tăng vốn điều lệ của Công ty. Một phần số cổ phiếu này cũng đã được sử dụng để trả cổ tức năm 2009.

Trong năm 2010, Công ty đã mua lại 75.134 cổ phiếu ưu đãi của cán bộ công nhân viên nghỉ việc theo điều lệ của Công ty và bán ra 71.400 cổ phiếu ưu đãi từ nguồn cổ phiếu quỹ này.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 831.067.620.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày			
			31/12/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
1. Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước - Ông Trương Gia Bình đại diện	41.674.453	50,15%	41.674.453	50,15%	29.767.467	50,12%
2. Công ty Cổ phần FPT - Ông Lê Quang Tiến đại diện	35.782.679	43,06%	35.782.679	43,06%	24.724.119	41,62%
3. Các cổ đông khác	5.557.730	6,69%	5.557.730	6,69%	4.817.958	8,11%
	83.014.862	100%	83.014.862	99,90%	59.309.544	99,85%
Cổ phiếu quỹ	91.900	0,11%	91.900	0,11%	88.166	0,15%
	83.106.762	100%	83.106.762	100%	59.397.710	100%

15. CỔ TỨC

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2010, Công ty dự kiến trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 với số tiền là 148.360 triệu đồng, tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 2.500 đồng/cổ phiếu. Ngoài ra, Công ty dự kiến trả cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng với số tiền là 237.590 triệu đồng, trong đó một số cổ đông nhận trực tiếp bằng cổ phiếu (trong đó Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước nhận 11.906.900 cổ phiếu) và một số cổ đông dự kiến nhận bằng tiền mặt với giá trị tương đương 7.025 triệu đồng (702.500 cổ phiếu). Các cổ đông nhận bằng tiền mặt sẽ nhường quyền mua cổ phiếu cho cán bộ nhân viên Công ty làm việc từ 2 năm trở lên và cán bộ nhân viên Công ty có thành tích kinh doanh trong năm 2010. Quyền mua cổ phiếu của cán bộ nhân viên được thông qua: phát hành 252.300 cổ phiếu ưu đãi với giá bán bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu) và 538.439 cổ phiếu phổ thông cho cán bộ nhân viên Công ty có đầy đủ điều kiện.

Trong năm, Công ty đã thực hiện trả cổ tức năm 2009 bằng cách phát hành thêm 23.006.587 cổ phiếu phổ thông. Theo thông báo của Hội đồng quản trị ngày 2 tháng 6 năm 2010, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt cho các cổ đông (không bao gồm Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, nhận cổ tức bằng cổ phiếu) với số tiền là 6.994 triệu đồng. Theo thông báo của Hội đồng quản trị ngày 22 tháng 9 năm 2010, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt một năm 2010 với số tiền 83.032 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.467.215.255.193	1.864.851.449.895
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	10.720.152.988	12.562.331.045
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.456.495.102.205	1.852.289.118.850
Các khoản giảm trừ doanh thu	(9.823.684.430)	(13.328.590.582)
<i>Hàng bán trả lại</i>	<i>(9.823.684.430)</i>	<i>(13.328.590.582)</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.457.391.570.763	1.851.522.859.313

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	8.724.681.214	9.351.299.684
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.218.622.898.644	682.356.596.143
	1.227.347.579.858	691.707.895.827

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	44.161.337.206	24.290.341.680
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.951.731.621	8.410.897.390
Doanh thu hoạt động tài chính khác	607.521.068	45.568.212
	55.720.589.895	32.746.807.282

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.917.657.439	4.424.055.677
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	14.743.884.017	9.228.016.292
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.655.380.139	320.475.382
	30.316.921.595	13.972.547.351

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí bán hàng

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	77.867.616.573	73.398.203.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	543.238.418	4.637.192.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.526.748.696	18.815.954.129
Các chi phí khác	1.000.000	41.168.694
	<u>113.938.603.687</u>	<u>96.892.518.165</u>

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	213.866.731.587	158.052.954.517
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.093.238.528	211.369.097.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.984.755.373	81.264.950.241
Các chi phí khác	119.366.878.707	89.291.402.429
	<u>540.311.604.195</u>	<u>539.978.405.127</u>

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	601.363.587.051	540.031.045.004
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: thu nhập không chịu thuế (i)	(265.309.760.097)	(44.112.306.148)
Trừ: doanh thu chưa thực hiện năm trước chuyển sang	(125.206.610.911)	-
Cộng: chi phí không được khấu trừ	923.974.113	1.347.098.570
Cộng: doanh thu đã phát hành hóa đơn nhưng chưa thực hiện	131.773.371.016	131.272.852.397
Thu nhập chịu thuế	343.544.561.172	628.538.689.823
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.886.140.293	157.134.672.456
Trừ: thuế thu nhập được giảm trừ	(33.671.880)	(34.579.933.345)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	85.852.468.413	122.554.739.111
Thuế thu nhập hoãn lại (ii)	(1.434.801.351)	(32.818.213.101)
	<u>84.417.667.062</u>	<u>89.736.526.010</u>

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

(i) Thu nhập không chịu thuế là toàn bộ lợi nhuận của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT Tân Thuận, do Công ty Cổ phần Viễn thông FPT Tân Thuận được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo ưu đãi thuế đối với Công ty thành lập trong năm 2008 hoạt động trong Khu chế xuất Tân Thuận.

(ii) Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại và tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chênh lệch tạm thời được khấu trừ thể hiện các khoản doanh thu chưa thực hiện ghi nhận trên bảng cân đối kế toán cho mục đích kế toán nhưng đã bao gồm trong doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	Trình bày lại (*)
		VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	472.693.872.649	409.917.406.995
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	82.629.765	75.303.222
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.721	5.444

(*) Như trình bày ở Thuyết minh số 14 - Vốn cổ đông, trong năm 2010, Công ty thực hiện phát hành 23.006.587 cổ phiếu thưởng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2009 được tính toán lại theo số lượng cổ phiếu phổ thông tăng lên do phát hành cổ phiếu thưởng.

23. CÁC KHOẢN CAM KẾTCác khoản cam kết thuê hoạt động

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	30.512.452.645	24.511.004.288
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	65.625.193.188	12.706.383.600
Sau năm năm	25.966.302.500	684.238.500
	122.103.948.333	37.901.626.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn FPT - Trụ sở chính tại Hà Nội		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	97.785.720.000	62.629.890.000
Chia cổ tức bằng tiền	48.739.547.703	103.285.333.410
Bán hàng hóa và dịch vụ	299.378.496	7.398.798.816
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	12.770.961.745	22.795.755.584
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Thương mại FPT (FTG)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	663.290.000	2.353.450.876
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	21.478.096.747	6.382.633.660
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT (FSO)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.222.173.247	1.272.445.000
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	-	3.050.123.486
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.873.173.918	1.918.158.890
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	40.977.940.044	392.859.093
Công ty Cổ phần Elead		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	1.027.965.000
Công ty TNHH Truyền thông giải trí FPT		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.050.570.324	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công nợ phải thu		
Tập đoàn FPT - Các khoản cho vay ngắn hạn (từ 1 đến dưới 12 tháng)		
	317.600.000.000	159.350.000.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	2.993.410.802	17.842.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán (tiếp theo)

Phải trả

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty TNHH phân phối FPT	1.061.552.507	200.604.600
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	10.280.253.060	54.324.160
Công ty TNHH Hệ thống thông tin Viễn thông và Dịch vụ Công nghệ FPT	-	1.859.533.815
Công ty TNHH Phân phối Công nghệ thông tin FPT	-	5.217.852.554
Công ty Cổ phần Phát triển đầu tư Công nghệ FPT	8.084.286.768	-

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.
